

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHDL, ngày tháng 06 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực)

Phần 1: Thông tin về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo

Tên tiếng Việt: Quản trị kinh doanh

Tên tiếng Anh: Business Administration

Mã ngành đào tạo: 7340101

Trình độ đào tạo: Đại học

Thời gian đào tạo: 4 năm

Tên văn bằng sau tốt nghiệp: Bằng Cử nhân

Tên đơn vị cấp bằng: Trường Đại học Điện lực

Nhà trường được công nhận kiểm định chất lượng theo Quyết định số 226/QĐ-KĐCL ngày 30/6/2018 do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Đại học Quốc gia Hà Nội cấp.

Thời điểm thiết kế/điều chỉnh bản mô tả: Năm học 2020- 2021

Phần 2: Mục tiêu chương trình, chuẩn đầu ra, học tập và đánh giá, cấu trúc chương trình đào tạo, mô tả học phần

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cung cấp kiến thức cơ bản về quản trị kinh doanh trong tổ chức bao gồm các kiến thức cơ bản về kinh tế xã hội như kinh tế học, quản trị; các kiến thức chuyên sâu trong quản trị kinh doanh; trang bị các kỹ năng sử dụng công cụ quản lý trong tổ chức, kỹ năng phân tích, hoạt động kinh doanh, kỹ năng hoạch định chính sách, chiến lược phát triển toàn diện doanh nghiệp, có tư duy của một doanh nhân, tư duy của một lãnh đạo doanh nghiệp.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị kinh doanh để giải quyết nghiệp vụ trong quản trị kinh doanh, kiến thức tổng hợp về quản trị doanh nghiệp và kiến thức về các nghiệp vụ hỗ trợ như: quản lý tài chính, quản lý nhân sự,... các nguyên lý quản trị cơ bản, quy luật kinh tế, kiến thức chính trị luật pháp có liên quan trong lĩnh vực quản trị kinh doanh nhằm tích lũy kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, giúp người học có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn hoặc chuyển đổi linh hoạt ngành nghề khi cần thiết.

1.2.2. Kỹ năng

Có kỹ năng hoàn thành công việc liên quan đến nghiệp vụ kinh doanh, có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những công nghệ tiên tiến để giải quyết những vấn đề thực tế trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có các kỹ năng thiết yếu của một nhà quản trị và điều hành doanh nghiệp, bao gồm các chuyên môn nghiệp vụ về quản trị nhân sự, xuất nhập khẩu, tổ chức sản xuất, quản trị chất lượng, marketing, bán hàng, hành chính, văn phòng, kỹ năng dự báo, phân tích, đánh giá và ra quyết định kinh doanh.

1.2.3. Thái độ

Có ý thức, sáng kiến trong quá trình thực hiện công việc nghiệp vụ kinh doanh trong môi trường làm việc năng động, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được giải pháp nhằm giải quyết về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình. Làm việc và tuân thủ luật pháp trong quá trình thực hiện nghề nghiệp.

1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Đối với chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác sau:

Nhóm 1: Tự kinh doanh: Có khả năng tổ chức và quản lý (khởi nghiệp 01 dự án kinh doanh) một doanh nghiệp độc lập.

Nhóm 2: Nhân viên ở vị trí kinh doanh, Marketing, nhân sự, phân tích hoạt động kinh doanh trong các công ty, các tập đoàn đa quốc gia, các quốc gia nhà nước, các tổ chức cộng đồng.

Nhóm 3: Nhân viên trong cơ quan cấp Bộ và Chính quyền địa phương ở lĩnh vực liên quan đến hoạch định chính sách kinh tế, tài chính và phát triển doanh nghiệp.

Nhóm 4: Trưởng nhóm hay trưởng chi nhánh của các công ty, tập đoàn, các tổ chức trong nước và quốc tế (khi đã có kinh nghiệm)

Nhóm 5: Vị trí trưởng phòng quản lý bộ phận như: Trưởng phòng kinh doanh, trưởng phòng sales, trưởng phòng Marketing, Nhân sự,... (khi đã có kinh nghiệm)

Nhóm 6: Nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực quản trị kinh doanh ở các viện nghiên cứu, các trung tâm, các cơ quan nghiên cứu của các bộ, ngành, các trường đại học và cao đẳng. Giáo viên giảng dạy các môn học quản trị kinh doanh tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị doanh nghiệp có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong các doanh nghiệp và tổ chức khác.

Đối với chuyên ngành Quản trị du lịch, khách sạn

Sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đảm nhiệm các vị trí công tác sau:

Nhóm 1: Tự kinh doanh: Có khả năng tổ chức và quản lý (khởi nghiệp 01 dự án kinh doanh) một doanh nghiệp kinh doanh khách sạn du lịch;

Nhóm 2: Nhân viên kinh doanh, phát triển các dịch vụ các khách sạn, resort, khu du lịch, nghỉ dưỡng. Nhân viên thực hiện các chương trình phát triển du lịch, hướng dẫn viên du lịch trong các doanh nghiệp, công ty du lịch, lữ hành; Nhân viên tổ chức tiệc, sự kiện trong các công ty tổ chức sự kiện, truyền thông về du lịch, khu vui chơi, giải trí;

Nhóm 3: Tổ trưởng (khi có kinh nghiệm) bộ phận, quản lý bộ phận lập kế hoạch, điều phối nhân sự như tại các bộ phận như lễ tân, phục vụ, bếp, buồng, hành chính trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch khách sạn.

Nhóm 4: Vị trí trưởng phòng (khi có kinh nghiệm) quản lý bộ phận như: Trưởng phòng kinh doanh, trưởng phòng sales, trưởng phòng Marketing, ...

Nhóm 5: Nghiên cứu viên thuộc lĩnh vực quản trị du lịch khách sạn ở các viện nghiên cứu, các trung tâm, các cơ quan nghiên cứu của các bộ, ngành, các trường đại học và cao đẳng. Giáo viên giảng dạy các môn học quản trị du lịch khách sạn tại các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề.

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị du lịch, khách sạn có khả năng chuyển đổi để làm các công việc khác trong các doanh nghiệp và tổ chức khác.

2. Chuẩn đầu ra: Chuẩn đầu ra chung cho ngành Quản trị kinh doanh

2.1. Kiến thức

Mã CDR	Chi tiết
1	Áp dụng được các kiến thức, kỹ thuật, kỹ năng và công cụ tiên tiến trong ngành quản trị kinh doanh.
2	Áp dụng được các kiến thức khoa học xã hội để lĩnh hội chuyên môn, giải quyết các tình huống trong quản lý công việc.
3	Áp dụng được kiến thức công nghệ thông tin trong ngành quản trị kinh doanh
4	Áp dụng được kiến thức để lập kế hoạch hoạt động quản trị kinh doanh.
5	Áp dụng được kiến thức cơ bản để tổ chức, điều khiển và kiểm soát hoạt động quản trị kinh doanh.
6	Hiểu được các kiến thức cơ bản của khoa học quản lý về quản trị kinh doanh liên quan tới quản trị hoạt động các doanh nghiệp.
7	Hiểu được các kiến thức về các lĩnh vực quản trị trong doanh nghiệp như Quản trị nhân lực, Quản trị tài chính, Quản trị tác nghiệp, Phân tích hoạt động kinh doanh.

2.2. Kỹ năng

Mã CDR	Chi tiết
9	Có khả năng phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề trong quản trị kinh doanh.
10	Có kỹ năng hướng dẫn, động viên người khác thực hiện các công việc do mình quản lý.
11	Có kỹ năng phản biện, giải quyết vấn đề trong các tình huống quản trị kinh doanh cụ thể.
12	Có kỹ năng đánh giá kết quả thực hiện công việc của các thành viên trong nhóm.
13	Có kỹ năng tìm kiếm, tổng hợp tài liệu chuyên môn, các quy định pháp lý ngành quản trị kinh doanh.
14	Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam
15	Có các kỹ năng phân tích, tổng hợp, phối hợp để thực hiện nghiệp vụ về quản trị kinh doanh.
16	Có kỹ năng tư duy sáng tạo nhằm tìm ra những ý tưởng, giải pháp mới trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Mã CDR	Chi tiết
18	Hình thành khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm với kết quả làm việc của bản thân và nhóm.
19	Có trách nhiệm hướng dẫn và giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ đặt ra.
20	Hiểu được những ảnh hưởng, tác động của kết quả thực hiện công việc tới các bên liên quan và xã hội; có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp cao.
21	Hình thành ý thức đảm bảo chất lượng công việc theo tiêu chuẩn quy định; liên tục cải tiến, đổi mới sáng tạo trong công việc; có ý thức không

Mã CDR	Chi tiết
	ngừng học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng để phát triển sự nghiệp.

Chuẩn đầu ra riêng cho chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

2.1. Kiến thức

Mã CDR	Chi tiết
8	Hiểu được các kiến thức về một số lĩnh vực đặc thù của quản trị và vận hành doanh nghiệp như quản trị chất lượng, quản trị logistics.

2.2. Kỹ năng

Mã CDR	Chi tiết
17	Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ quản trị kinh doanh trong thực tế, giải quyết những tình huống tác nghiệp trong quản trị kinh doanh.

Chuẩn đầu ra riêng cho chuyên ngành Quản trị du lịch, khách sạn

2.1. Kiến thức

Mã CDR	Chi tiết
8	Hiểu được các kiến thức về một số lĩnh vực đặc thù của quản trị kinh doanh du lịch khách sạn (như quản trị kinh doanh lưu trú, ăn uống, tổ chức sự kiện, lễ hành) để giải quyết các vấn đề thực tế trong công việc.

2.2. Kỹ năng

Mã CDR	Chi tiết
17	Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ quản trị kinh doanh trong thực tế, giải quyết những tình huống tác nghiệp trong quản trị kinh doanh khách sạn và du lịch.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 129 Tín chỉ với chuyên ngành QTDN, 131 Tín chỉ với chuyên ngành QTDL,KS.

(Không kể khối lượng Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)

4. Đối tượng tuyển sinh:

- Đã tốt nghiệp PTTH (giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên), hoặc đã tốt nghiệp trung cấp;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Không vi phạm pháp luật, không trong thời gia bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Hình thức tuyển sinh: Tham dự kỳ thi tuyển sinh đại học theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp và điểm đánh giá học phần, tốt nghiệp:

Tổ chức thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp theo Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ giáo dục và Đào tạo.

6. Cách thức đánh giá: Chấm điểm theo thang điểm 10 và quy đổi theo thang điểm chữ theo quy định tại Quy chế đào tạo hiện hành.

7. Ma trận chuẩn đầu ra và môn học: (5 cấp bậc đánh giá: 1. Hiểu; 2. Ứng dụng; 3. Phân tích; 4. Tổng hợp; 5. Đánh giá)

TT	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	CDR KIẾN THỨC								CDR KỸ NĂNG									CDR THÁI ĐỘ			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TĐ 1	TĐ 2	TĐ 3	T Đ 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																										
1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45	0		2																		1	
2	003925	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	30	0		2																		1	
3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		2																		1	
4	003928	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2	30	0		2																		1	
5	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		2																		1	
6	000765	Tiếng Anh 1	4	60	0													2								
7	003137	Tiếng Anh 2	3	45	0													2								
8	000801-000808-000813-003144	Giáo dục thể chất	4	5	110																					
9	000785-000788-000791-003788	Giáo dục quốc phòng	11	90	75																					
10	003788	Toán cao cấp 1	2	30	0	2																				
11	003360	Toán cao cấp 2	2	30	0	2																				
12	003366	Xác suất thống kê	2	30	0	2																				
13	003657	Nhập môn tin học	3	39	12			2									2									
14	001893	Pháp luật đại cương	2	30	0				2							5									4	
15	002018	Quản trị học	3	45	0				3	3					4		4								3	4
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP																										
CƠ SỞ NGÀNH																										

TT	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	CDR KIẾN THỨC								CDR KỸ NĂNG									CDR THÁI ĐỘ			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TĐ 1	TĐ 2	TĐ 3	T Đ 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
1	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0	3	3		3	3				2												
2	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0				2		2		1								2				2	2
3	001671	Marketing căn bản	2	30	0			3			3			2							2					3
4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	0			4	4					4				4					5			4
5	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45	0	3			3					3		3										
6	001506	Luật kinh tế	2	30	0																					
7	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0						3	3			3										3	
NGÀNH BẮT BUỘC																										
1	002176	Quản lý nhân lực	3	45	0				3	4		3								3					4	4
2	002208	Quản lý tài chính	3	45	0					3				3		3										3
3	000837	Hành vi tổ chức	2	30	0		3													3			3		3	3
4	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	3						3	3	2		3							3			
5	003176	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	0	2	2				1			3					4				3			
6	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	3	3		3							3										
7	002059	PP Nghiên cứu khoa học	2	30	0							3						2		3			3		3	3
8	002106	Quản lý chiến lược	2	30	0				3	3	3										3				4	4
NGÀNH TỰ CHỌN																										
9	000962	Hệ thống thông tin quản lý (*)	2	30	0	2		2		2						5		4			3					

TT	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	CDR KIẾN THỨC								CDR KỸ NĂNG									CDR THÁI ĐỘ			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TĐ 1	TĐ 2	TĐ 3	T Đ 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
10	003783	Kinh tế lượng (*)	3	45	0																					
11	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế (*)	2	30	0	3		3															3			
12	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng (*)	2	30	0							5	5		4					4		5			4	
13	002184	Quản lý quan hệ khách hàng (0*)	2	30	0					3				3	3					3				3		3
14	002151	Quản lý mua hàng(*)	2	30	0						3			3		2				3		3			3	
CHUYÊN NGÀNH QTDN BẮT BUỘC																										
1	002134	Quản lý logistics	2	30	0						3		4							3		3			3	3
2	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	0			3	3	3				3		3				3						
3	001023	Kế toán doanh nghiệp	3	45	0					3					3										5	
4	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45	0					2	3	3								3	3	3				
5	001981	Phân tích thẩm định dự án	2	30	0							3	3	3		3		4								
6	002141	Quản lý marketing	2	30	0				4			4		4							3		3		4	
7	002120	Quản lý dự án	2	30	0	3			3	3	3		3									3				
8	003105	Thương mại điện tử*	2	30	0	3	3	3																	3	3

TT	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	CDR KIẾN THỨC								CDR KỸ NĂNG									CDR THÁI ĐỘ			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TĐ 1	TĐ 2	TĐ 3	T Đ 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
9	001415	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	2	30	0				4	4						4				3	4					4
10	002694	Thực hành môn học QTDN	4	0	160														3		2	5	5			
CHUYÊN NGÀNH QTDN TỰ CHỌN																										
11	002089	Quản lý chất lượng (*)	2	30	0					3		3	3		4					4						3
12	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam (*)	3	45	0					3			3		4		3					2				
13	001674	Marketing dịch vụ (*)	2	30	0				2	3			3	3							3	3				
14	001806	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương (*)	2	30	0	3	3			3								4		4				3		
15	002260	Quản trị kinh doanh quốc tế (*)	2	30	0					3			3	4	4							4		2		
16	002114	Quản lý công nghệ (0*)	2	30	0				3			3	4					4	3							3
17	001797	Nghiên cứu marketing (0*)	2	30	0		3				3			3		3				3	3					
18	003222	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao (0*)	2	30	0					3						3			4		4					3
19	002187	Quản lý rủi ro (0*)	2	30	0							3	3	3						3	3					2
CHUYÊN NGÀNH QTDLKS BẮT BUỘC																										
1	000326	Công nghệ phục vụ khách sạn	2	30	0							3	3			3				3		3				4

TT	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	CDR KIẾN THỨC								CDR KỸ NĂNG									CDR THÁI ĐỘ			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TĐ 1	TĐ 2	TĐ 3	T Đ 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	001811	Nghiệp vụ nhà hàng	2	30	0					3									3		3	3	3	3		
3	003217	Tiếng Anh chuyên ngành KSDL	3	45	0	3	3							3					3				3			
4	002843	Thực tập nghiệp vụ	2	0	80				3					3	3		3	3		4						
5	002252	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	45	0							3	3					4		4		4	4			
6	002256	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	45	0							3	4			3						4			4	4
7	000776	Giám sát khách sạn	2	30	0		3			3			3									3			3	3
8	002258	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3	45	0					3	3	3	3									4	4			
9	002248	Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị	2	30	0		3					4	4									4			4	4
10	003105	Thương mại điện tử	2	30	0	3	3	3																	3	3
11	002695	Thực hành môn học QTDLKS	4	0	160														3		2	5	5			
CHUYÊN NGÀNH QTDLKS TỰ CHỌN																										
12	1499	Luật du lịch (*)	2	30	0					3				3		3		3							3	
13	3337	Tình huống tác nghiệp kinh doanh khách sạn du lịch(*)	2	30	0		3				3	3	3			3							3			
14	1681	Marketing du lịch (*)	2	30	0				3	3			3			3						3				3

TT	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	T H	CDR KIẾN THỨC								CDR KỸ NĂNG									CDR THÁI ĐỘ			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	K N1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TĐ 1	TĐ 2	TĐ 3	T Đ 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
15	002095	Quản lý chất lượng dịch vụ (*)	2	30	0						3		3	3		3					3					3
16	002360	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch (*)	2	30	0								3									3			3	3
17	000997	Hướng dẫn du lịch (0*)	2	30	0								4			3						3	3		3	3
18	002184	Quản lý quan hệ khách hàng (0*)	2	30	0					3				3	3					3				3		3
19	000032	An toàn vệ sinh thực phẩm (0*)	2	30	0		3			3			3									3			3	3
20	002084	Quản lý ẩm thực (0*)	2	30	0						3		3									3		3	3	3
21	000751	Du lịch sinh thái (0*)	2	30	0								3							3		3			3	3
22	000825	Giao tiếp tiếng Anh trong du lịch (0*)	3	45	0	3	3							3							3	3				
23	002694	Thực tập tốt nghiệp	4	0	160									1				2				4				4
24	003798	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	10	0	160									1				2				4	5			4

* Ghi chú: Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình

8. Cấu tạo chương trình

8.1. Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

Khối kiến thức		Tín chỉ (TC)		Tỷ lệ %
		Bắt buộc	Tự chọn	
Giáo dục đại cương	Khoa học Mác Lênin	11		9
	Toán - Tin - Khoa học tự nhiên	11		9
	Khối kiến thức khoa học xã hội và nhân văn	5		4
	Ngoại ngữ	7		5
	Giáo dục thể chất	Chứng chỉ		
	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Chứng chỉ		
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	18		14
	Chuyên ngành bắt buộc	52		40
	Chuyên ngành tự chọn	11	11	9
	Thực tập tốt nghiệp	4		3
	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	10		8
Tổng		118	11	100
		129		

8.2. Chuyên ngành Quản trị du lịch, khách sạn

Khối kiến thức		Tín chỉ (TC)		Tỷ lệ %
		Bắt buộc	Tự chọn	
Giáo dục đại cương	Khoa học Mác Lênin	11		8
	Toán - Tin - Khoa học tự nhiên	11		8
	Khối kiến thức khoa học xã hội và nhân văn	5		4
	Ngoại ngữ	7		5
	Giáo dục thể chất	Chứng chỉ		
	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	Chứng chỉ		
Giáo dục chuyên nghiệp	Cơ sở ngành	18		14
	Chuyên ngành bắt buộc	55		42
	Chuyên ngành tự chọn		10	8
	Thực tập tốt nghiệp	4		3
	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	10		8
Tổng		121	10	100
		131		

9. Kế hoạch đào tạo theo từng kỳ

9.1 Chuyên ngành Quản trị doanh nghiệp

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
1	1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45	0		GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
2	2	003925	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	30	0	003923	GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
3	3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	003923, 003925	GDDC	Tiểu luận	1	BM KHCT
4	4	003928	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2	30	0	003923, 003925, 003926	GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
5	5	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	003928	GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
6	1	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0		GDDC	Trắc nghiệm	2	NN
7	2	003144	Tiếng Anh 2	3	45	0		GDDC	Trắc nghiệm	2	NN
8	1, 2, 3, 4	000801- 000808- 000813- 000816	Giáo dục thể chất	4	5	110		CC	Thực hành	4	BM GDTC
9	2	000785- 000788- 000791- 003788	Giáo dục quốc phòng	11	90	75		CC	Tự luận	5	BM GDTC
10	1	003360	Toán cao cấp 1	2	30	0		GDDC	Tự luận	2	KHTN
11	2	003366	Toán cao cấp 2	2	30	0		GDDC	Tự luận	2	KHTN
12	2	003657	Xác suất thống kê	2	30	0		GDDC	Tự luận	2	KHTN
13	1	001893	Nhập môn tin học	3	39	12		GDDC	Thực hành	1	CNTT
14	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0		GDDC	Trắc nghiệm	2	BM KHCT
15	3	002244	Quản trị học	3	45	0	001216, 001223	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
16	1	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0		CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
17	2	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0	001216, 003360	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
18	3	001671	Marketing căn bản	2	30	0		CSN	Trắc nghiệm	1	KTQL
19	4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	0	003657	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
20	4	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45	0		CSN	Tự luận	2	KTQL
21	3	001506	Luật kinh tế	2	30	0		GDDC	Trắc nghiệm	2	BM KHCT
22	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
23	6	002176	Quản lý nhân lực	3	45	0	002244	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
24	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	001611	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
25	6	000837	Hành vi tổ chức	2	30	0	002244	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
26	4	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	002244	Ngành	Tự luận	2	KTQL
27	5	003176	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	0	003137, 003144	Ngành	Tự luận	2	KTQL
28	5	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	001023	Ngành	Tự luận	2	KTQL
29	7	002059	PP Nghiên cứu khoa học	2	30	0		Ngành	Tự luận	1	KTQL
30	7	002106	Quản lý chiến lược	2	30	0	002244	Ngành	Trắc nghiệm	1	KTQL
31	6	000962	Hệ thống thông tin quản lý (*)	2	30	0	001893	Ngành	Tự luận	2	KTQL
32	3	003783	Kinh tế lượng (*)	3	45	0		Ngành	TN	1	KTQL
33	5	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế (*)	2	30	0	001893	Ngành	Thực hành	2	KTQL
34	6	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng (*)	2	30	0	001671	Ngành	Tự luận	2	KTQL
35	7	002134	Quản lý logistics	2	30	0	002199	CN	Tự luận	2	KTQL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
36	6	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	0	001838	Ngành	Tự luận	2	KTQL
37	4	001023	Kế toán doanh nghiệp	3	45	0	001838	CN	Tự luận	2	KTQL
38	5	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45	0	002208	CN	Tự luận	2	KTQL
39	5	001981	Phân tích thẩm định dự án	2	30	0	002208	CN	Tự luận	2	KTQL
40	6	002141	Quản lý marketing	2	30	0		CN	Tự luận	1	KTQL
41	5	002120	Quản lý dự án	2	30	0	002208	CN	Tự luận	2	KTQL
42	7	003105	Thương mại điện tử	2	30	0	001674, 001806	CN	TN	1	KTQL
43	7	001415	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	2	30	0		CN	Tiểu luận	2	KTQL
44	5	002089	Quản lý chất lượng (*)	2	30	0	002244, 002199	CNTC	Tự luận	1	KTQL
45	5	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam (*)	3	45	0	001223	CNTC	Trắc nghiệm	2	KTQL
46	7	001674	Marketing dịch vụ (*)	2	30	0	001671, 002141	CNTC	Tự luận	2	KTQL
47	6	001806	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương (*)	2	30	0	002244	CNTC	Tự luận	1	KTQL
48	7	002260	Quản trị kinh doanh quốc tế (*)	2	30	0	002244	CNTC	Tự luận	1	KTQL
49	7	002184	<i>Quản lý quan hệ khách hàng (0*)</i>	2	30	0	001671	NTC	Tự luận	2	KTQL
50	7	002114	<i>Quản lý công nghệ (0*)</i>	2	30	0	002244, 001216, 001223	CNTC	Tự luận	2	KTQL
51	7	001797	<i>Nghiên cứu marketing (0*)</i>	2	30	0	002142	CNTC	Tự luận	1	KTQL
52	7	003222	<i>Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao (0*)</i>	2	30	0	003137, 003144, 003176	CNTC	Tự luận	2	KTQL
53	7	002187	<i>Quản lý rủi ro (0*)</i>	2	30	0	002338	CNTC	Tự luận	2	KTQL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
54	7	002151	Quản lý mua hàng(0*)	2	30	0	001671	NTC	Tự luận	1	KTQL
55	7	002694	Thực hành môn học QTDN	4	0	160		CN	Báo cáo chuyên đề	0	KTQL
56	8	003029	Thực tập tốt nghiệp	4	0	160		CN	Báo cáo chuyên đề	0	KTQL
57	8	003798	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	0		CN	Báo cáo chuyên đề	0	KTQL

Ký hiệu (0*) Môn học tự chọn không học

9.2. Chuyên ngành Quản trị du lịch, khách sạn

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
1	1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45	0		GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
2	2	003925	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	30	0	003923	GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
3	3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0	003923, 003925	GDDC	Tiểu luận	1	BM KHCT
4	4	003928	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2	30	0	003923, 003925, 003926	GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
5	5	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	003928	GDDC	Tiểu luận	2	BM KHCT
6	1	003137	Tiếng Anh 1	4	60	0		GDDC	Trắc nghiệm	2	NN
7	2	003144	Tiếng Anh 2	3	45	0		GDDC	Trắc nghiệm	2	NN
8	1, 2, 3, 4	000801-000808-000813-000816	Giáo dục thể chất	4	5	110		CC	Thực hành	4	BM GDTC
9	2	000785-000788-000791-003788	Giáo dục quốc phòng	11	90	75		CC	Tự luận	5	BM GDTC
10	1	003360	Toán cao cấp 1	2	30	0		GDDC	Tự luận	2	KHTN
11	2	003366	Toán cao cấp 2	2	30	0		GDDC	Tự luận	2	KHTN

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
12	2	003657	Xác suất thống kê	2	30	0		GDDC	Tự luận	2	KHTN
13	1	001893	Nhập môn tin học	3	39	12		GDDC	Thực hành	1	CNTT
14	1	002018	Pháp luật đại cương	2	30	0		GDDC	Trắc nghiệm	2	BM KHCT
15	3	002244	Quản trị học	3	45	0	001216, 001223	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
16	1	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0		CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
17	2	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0	001216, 003360	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
18	3	001671	Marketing căn bản	2	30	0		CSN	Trắc nghiệm	1	KTQL
19	4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	0	003657	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
20	4	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45	0		CSN	Tự luận	2	KTQL
21	3	001506	Luật kinh tế	2	30	0		GDDC	Trắc nghiệm	2	BM KHCT
22	3	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0	001216	CSN	Trắc nghiệm	2	KTQL
23	6	002176	Quản lý nhân lực	3	45	0	002244	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
24	4	002208	Quản lý tài chính	3	45	0	001611	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
25	6	000837	Hành vi tổ chức	2	30	0	002244	Ngành	Trắc nghiệm	2	KTQL
26	4	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	002244	Ngành	Tự luận	2	KTQL
27	5	003176	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	0	003137, 003144	Ngành	Tự luận	2	KTQL
28	5	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	001023	Ngành	Tự luận	2	KTQL
29	7	002059	PP Nghiên cứu khoa học	2	30	0		Ngành	Tự luận	1	KTQL
30	7	002106	Quản lý chiến lược	2	30	0	002244	Ngành	Trắc nghiệm	1	KTQL
31	6	000962	Hệ thống thông tin quản lý (*)	2	30	0	001893	Ngành	Tự luận	2	KTQL
32	3	003783	Kinh tế lượng (*)	3	45	0		Ngành	TN	1	KTQL
33	5	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế (*)	2	30	0	001893	Ngành	Thực hành	2	KTQL
34	6	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng (*)	2	30	0	001671	Ngành	Tự luận	2	KTQL
35	3	000326	Công nghệ phục vụ khách sạn	2	30	0		CN	Tự luận	1	KTQL
36	4	001811	Nghiệp vụ nhà hàng	2	30	0		CN	Tiểu luận	1	KTQL
37	5	003217	Tiếng Anh chuyên ngành KSDL	3	45	0	003137 003144, 003176	CN	Tự luận	2	KTQL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
38	6	002843	Thực tập nghiệp vụ	2	0	80		CN	BCCĐ	0	KTQL
39	5	002252	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	45	0	002244, 001671, 000326	CN	Tự luận	2	KTQL
40	6	002256	Quản trị kinh doanh lữ hành	3	45	0	002244, 001671	CN	Tự luận	2	KTQL
41	5	000776	Giám sát khách sạn	2	30	0	002252	CN	Tự luận	1	KTQL
42	6	002258	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3	45	0	002244, 002252, 001811	CN	Tự luận	2	KTQL
43	6	002248	Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị	2	30	0		CN	Tự luận	1	KTQL
44	7	003105	Thương mại điện tử	2	30	0	001674, 001806	CN	TN	1	KTQL
45	5	001499	Luật du lịch (*)	2	30	0	001506	CNTC	Tiểu luận	2	KTQL
46	6	003337	Tình huống tác nghiệp kinh doanh khách sạn du lịch(*)	2	30	0	002252, 002258, 002256	CNTC	Tiểu luận	1	KTQL
47	7	001681	Marketing du lịch (*)	2	30	0	001216	CNTC	Tự luận	2	KTQL
48	5	002095	Quản lý chất lượng dịch vụ (*)	2	30	0	002244, 002199	CNTC	Tự luận	2	KTQL
49	7	002360	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch (*)	2	30	0		CNTC	TN	2	KTQL
50	7	000997	<i>Hướng dẫn du lịch (0*)</i>	2	30	0		CNTC	Tự luận	2	KTQL
51	7	002184	<i>Quản lý quan hệ khách hàng (0*)</i>	2	30	0	001671	CNTC	Tự luận	2	KTQL
52	7	000032	<i>An toàn vệ sinh thực phẩm (0*)</i>	2	30	0	002244, 002089	CNTC	Tự luận	1	KTQL
53	7	002084	<i>Quản lý ẩm thực (0*)</i>	2	30	0		CNTC	Tự luận	1	KTQL
54	7	000751	<i>Du lịch sinh thái (0*)</i>	2	30	0		CNTC	Tự luận	2	KTQL
55	7	000825	<i>Giao tiếp tiếng Anh trong du lịch (0*)</i>	3	45	0	003137, 003144, 003176	CNTC	Tự luận	1	KTQL

TT	Học kỳ	Mã môn học	Tên môn học	TC	LT	TH	MH tiên quyết	Khối kiến thức	Hình thức thi	Quy ước điểm	Khoa QL
56	7	002695	Thực hành môn học QTDL,KS	4	0	160		CN	Báo cáo chuyên đề	0	KTQL
57	8	003029	Thực tập tốt nghiệp	4	0	160		CN	Báo cáo chuyên đề	0	KTQL
58	8	003798	Khóa luận tốt nghiệp	10	0	0		CN	Báo cáo chuyên đề	0	KTQL

10. Mô tả các học phần

10.1. Triết học Mác Lênin

Mã môn học: 003923

TC: 3

Học phần cung cấp những kiến thức nền tảng của Triết học Mác - Lênin: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ đó, giúp sinh viên có tư duy logic, phương pháp luận khoa học và cách mạng vận dụng một cách chủ động, sáng tạo kiến thức đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

10.2. Kinh tế chính trị Mác Lênin

Mã môn học: 003925

TC: 2

Trang bị cho sinh viên những tri thức cốt lõi, cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hình thành ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin.

10.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã môn học: 003926

TC: 2

Học phần cung cấp những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác - Lênin. Học phần gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của Chủ nghĩa xã hội khoa học; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu học phần.

10.4. Lịch sử Đảng CS Việt Nam

Mã môn học: 003928

TC: 2

Thông qua các sự kiện và sự đúc kết kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng để xây dựng ý thức tôn trọng sự thật khách quan, nâng cao tư tưởng, lòng tự hào, niềm tin của sinh viên đối với sự lãnh đạo của Đảng trong lịch sử và hiện tại.

10.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã môn học: 003505

TC: 2

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học thuộc lĩnh vực Khoa học chính trị, cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về chính trị - xã hội, văn hóa thời đại Hồ Chí Minh sống và thực hành đạo đức cách mạng. Từ đó, vận dụng vào xây dựng xã hội mới, con người mới văn minh, tiến bộ. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng ta (1991) đã ghi vào Cương lĩnh và Điều lệ của mình: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động”. Do đó, học môn Tư tưởng Hồ Chí Minh các bạn có một nền tảng vững chắc cho tư duy lý luận đúng đắn, có một phương pháp luận cách mạng, khoa học để bạn học tập tốt các môn chuyên ngành cũng như sau này trong quá trình công tác của bản thân.

Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương, sinh viên sẽ được giới thiệu về khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh; cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; hệ thống những quan điểm, lý luận của Hồ Chí Minh và những quan điểm vận dụng của Đảng ta vào sự nghiệp đổi mới đất nước. Từ những nội dung đó, giúp người học nắm được giá trị, ý nghĩa tư tưởng Hồ Chí Minh. Với mỗi nội dung, sinh viên sẽ được học lý thuyết đi đôi với thảo luận các vấn đề liên quan đến bài học.

10.6. Tiếng Anh 1

Mã môn học: 003137

TC: 4

Nắm và vận dụng được kiến thức Anh văn ở trình độ B ở năm thứ nhất. Cung cấp vốn từ vựng khoảng 1500 từ và chương trình ngữ pháp trình độ B. Các thi hiện tại đơn giản, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn giản, quá khứ tiếp diễn, hiện tại hoàn thành.

10.7. Tiếng Anh 2

Mã môn học: 003144

TC: 3

Nắm và vận dụng kiến thức Anh văn ở trình độ B ở năm học thứ hai. Cung cấp vốn từ vựng khoảng 2000- 3000 từ và chương trình ngữ pháp trình độ B. Các thì tương lai gần, tương lai đơn giản, thì quá khứ hoàn thành, thể bị động, cấu trúc used to

10.8. Giáo dục thể chất

Mã môn học: 000801-000808- 000813- 000816 TC: 4

Thực hiện theo Quyết định số 1547/QĐ-ĐHDL ngày 04/9/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Điện lực về Chương trình môn học giáo dục thể chất dùng cho hệ đại học.

10.9. Giáo dục quốc phòng

Mã môn học: 000785- 000788- 000791- 003788 TC: 11

Thực hiện theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

10.10. Toán cao cấp 1

Mã môn học: 003360 TC: 2

Nắm và vận dụng được một cách cơ bản về Đại số tuyến tính như: Không gian véc tơ, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, định thức... Môn học không đi sâu vào việc chứng minh các định lý mà chú trọng vào việc ứng dụng của ma trận và làm nền cho các môn học khác

10.11. Toán cao cấp 2

Mã môn học: 003366 TC: 2

Nắm được kiến thức về giới hạn hàm số, phép tính vi phân tích phân hàm một biến, các phương pháp tính tích phân xác định, tích phân suy rộng hàm một biến số

10.12. Xác suất thống kê

Mã môn học: 003657 TC: 2

Nắm được các kiến thức cơ bản về Lý thuyết xác suất: Các khái niệm và các định lý về xác suất và biến ngẫu nhiên một chiều. Phần lý thuyết về thống kê toán học gồm lý thuyết mẫu, ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê.

10.13. Nhập môn tin học

Mã môn học: 001893 TC: 3

Nắm được các kiến thức cơ bản về máy tính, tư duy chung về thuật toán, các vấn đề cơ bản nhất của ngôn ngữ lập trình C như: cấu trúc chương trình C, các dạng cấu trúc điều khiển.

10.14. Pháp luật đại cương

Mã môn học: 002018 TC: 2

Nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật. Ngoài ra còn giáo dục ý thức pháp luật cho học sinh, sinh viên, để góp phần vào việc xây dựng ý thức sống và học tập theo Hiến pháp và Pháp luật.

10.15. Quản trị học

Mã môn học: 002244 TC: 3

Cung cấp các nội dung kiến thức bao gồm: Các khái niệm, nguyên tắc cơ bản của quản trị; thông tin và ra quyết định trong quản trị; các chức năng quản trị (Hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra); lý thuyết về tổ chức và hành vi của tổ chức.

10.16. Kinh tế vi mô

Mã môn học: 001216 TC: 3

Nắm được nội dung kiến thức cơ bản của Kinh tế vi mô bao gồm: Kinh tế học và các vấn đề cơ bản của kinh tế học, thị trường, cung và cầu, lý thuyết về tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất, cấu trúc thị trường và cạnh tranh không hoàn hảo, thị trường các yếu tố sản xuất, cân bằng tổng thể, vai trò của chính phủ trong nền kinh tế.

10.17. Kinh tế vĩ mô

Mã môn học: 001223 TC: 2

Nắm được các kiến thức cơ bản về kinh tế học vĩ mô, bao gồm: Tổng quan về kinh tế học vĩ mô, tổng sản phẩm và thu nhập quốc dân, tổng cầu và chính sách tài khóa, tiền tệ và chính sách tiền tệ, tổng cung và chu kỳ kinh doanh, thất nghiệp và lạm phát, kinh tế vĩ mô trong nền kinh tế mở.

10.18. Marketing căn bản

Mã môn học: 001671

TC: 2

Nắm được bản chất của hoạt động marketing, quá trình quản trị marketing trong doanh nghiệp, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu, xây dựng chiến lược marketing - MIX (sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến bán hàng) cho thị trường mục tiêu.

10.19. Nguyên lý thống kê kinh tế

Mã môn học: 001852

TC: 3

Nắm được các khái niệm và các phương pháp cơ bản phân tích và xử lý các số liệu thống kê kinh tế, các khái niệm về biến ngẫu nhiên và các quy luật phân phối xác suất thông dụng; các phương pháp lấy mẫu và các phân phối mẫu; ước lượng khoảng tin cậy và kiểm định các giả thuyết thống kê; các phương pháp phân tích phương sai và các phương pháp phân tích tương quan và hồi quy.

10.20. Phương pháp tối ưu trong kinh tế

Mã môn học: 002078

TC: 3

Nắm được những kiến thức cơ bản về mô hình hóa bài toán, nắm được các phương pháp giải bài toán quy hoạch tuyến tính và bài toán đối ngẫu, mô hình mạng và lý thuyết ra quyết định. Trang bị cho sinh viên kỹ năng chuyển các tình huống thực tế trong quản lý kinh tế thành dạng mô hình toán học, từ đó giúp đưa ra quyết định tối ưu trong kinh doanh. Ngoài ra, môn học cung cấp cho sinh viên một số phần mềm giải toán quy hoạch tối ưu.

10.21. Luật kinh tế

Mã môn học: 001506

TC: 2

Nắm được những kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương nói chung và về luật kinh tế nói riêng bao gồm: Kiến thức pháp luật khi bắt đầu thành lập doanh nghiệp, các hợp đồng sử dụng trong các hoạt động sản xuất kinh doanh (hợp đồng, cạnh tranh, bồi thường thiệt hại...) và luật doanh nghiệp khi rút khỏi thị trường (giải thể, phá sản) giao kết, thực hiện hợp đồng, thủ tục giải quyết các tranh chấp phát sinh nhằm giảm thiểu rủi ro, chi phí trong quá trình kinh doanh.

10.22. Nguyên lý kế toán

Mã môn học: 001838

TC: 3

Nắm và vận dụng kiến thức cơ bản về: Bản chất hạch toán kế toán, đối tượng kế toán, các phương pháp kế toán và hạch toán các nghiệp vụ kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp, sổ kế toán và các hình thức sổ kế toán, bộ máy kế toán và mô hình tổ chức bộ máy kế toán.

10.23. Quản lý nhân lực

Mã môn học: 002176

TC: 3

Nắm và vận dụng được nội dung cơ bản của hoạt động quản trị nhân lực, phân tích công việc, lập kế hoạch, tuyển dụng nhân viên đến việc đãi ngộ, trả công, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực và các quan hệ nhân sự ở trong doanh nghiệp.

10.24. Quản lý tài chính

Mã môn học: 002208

TC: 3

Nắm được những vấn đề căn bản của quản trị tài chính, mô hình dòng tiền, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh, rủi ro và lợi nhuận, trái phiếu và cổ phiếu, chi phí vốn, phân tích và quyết định đầu tư, đòn bẩy tài chính, quản trị tiền mặt, quản trị khoản phải thu và hàng tồn kho.

10.25. Hành vi tổ chức

Mã môn học: 000837

TC: 2

Giúp cho học viên nắm được những kiến thức bao gồm: Khái niệm và nội dung cơ bản của hành vi tổ chức, cơ sở của hành vi cá nhân (nhận thức, thái độ, tính cách), học tập và động cơ, ra quyết định cá nhân, xung đột trong tổ chức, nhóm và tổ, xây dựng nhóm và tổ hiệu quả, ra quyết định nhóm và lãnh đạo trong doanh nghiệp.

10.26. Quản lý tác nghiệp

Mã môn học: 002199

TC: 3

Giúp cho học viên nắm được kiến thức: Hệ thống sản xuất của doanh nghiệp; Phương pháp phân tích đánh giá kết quả sản xuất; Xây dựng chiến lược sản xuất; Lập kế hoạch sản xuất và chỉ đạo thực hiện kế hoạch; Quản lý kho hàng và Tổ chức phục vụ quá trình sản xuất; ứng dụng kỹ thuật tin học trong quản lý sản xuất.

10.27. Tiếng Anh chuyên ngành

Mã môn học: 003176

TC: 3

Giúp cho học viên nắm vững và vận dụng những kiến thức bao gồm: Các bài đọc về quản trị và tổ chức (Organizations and Management), các bài đọc về kinh tế, thị trường (Economy and Economis, Market), kế toán (Accouting), tài chính (Finance), Marketing, quản trị nhân lực (Human Resource Management), quản trị kinh doanh khách sạn (hotel management), quản trị kinh doanh nhà hàng (restaurant management), quản trị tour (Tour management).

10.28. Kế toán quản trị và chi phí

Mã môn học: 001051

TC: 2

Giúp cho học viên nắm vững những vấn đề chung về kế toán quản trị và chi phí, phân tích mối quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, phân bổ chi phí của các bộ phận phục vụ và phân tích báo cáo bộ phận, dự toán sản xuất kinh doanh, phân tích biến động chi phí, đánh giá trách nhiệm quản lý và định giá sản phẩm, thông tin thích hợp của kế toán cho việc ra quyết định.

10.29. Phương pháp nghiên cứu khoa học

Mã môn học: 002059

TC: 2

Nắm vững kiến thức bao gồm khái niệm nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học (Nghiên cứu mô tả, nghiên cứu giải pháp, nghiên cứu dự án, nghiên cứu và triển khai (R&D)), trình tự nghiên cứu khoa học bao gồm: Lựa chọn đề tài khoa học, hình thành luận văn khoa học (hình thành nghiên cứu khoa học), chứng minh luận điểm khoa học, trình bày luận điểm khoa học.

10.30. Quản lý chiến lược

Mã môn học: 002106

TC: 2

Nắm vững và vận dụng kiến thức chung về chiến lược, hoạch định chiến lược, nhiệm vụ chiến lược, các mô hình phân tích chiến lược, chiến lược công ty, chiến lược ở cấp đơn vị kinh doanh, các biện pháp thực hiện đánh giá và điều chỉnh chiến lược.

10.31. Hệ thống thông tin quản lý

Mã môn học: 000962

TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Tổng quan về hệ thống thông tin quản lý, các khái niệm cơ bản về cơ sở hạ tầng CNTT, các phương pháp khai thác Internet và cơ sở hạ tầng CNTT mới, cải tổ quy trình nghiệp vụ và cải tiến hệ thống, thực hành thiết kế và sử dụng hệ thống kế toán doanh nghiệp, hệ thống quản lý toàn doanh nghiệp ERP.

10.32. Kinh tế lượng

Mã môn học: 003783

TC: 3

Giúp cho người học nắm vững được những kiến thức cơ bản bao gồm: Mô hình hồi quy tuyến tính hai biến, mô hình hồi quy bội (hồi quy đa biến), Suy diễn thống kê và dự báo, phân tích hồi quy với biến định tính, kiểm định và lựa chọn mô hình, mô hình hồi quy với số liệu chuỗi thời gian, tương quan trong mô hình hồi quy chuỗi thời gian.

10.33. Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế

Mã môn học: 003786

TC: 2

Nắm vững được những kiến thức cơ bản bao gồm: Các dụng cụ đo lường, mã hóa-sơ đồ mã, bản hỏi đến phần mềm SPSS, sử dụng hàm trong bảng tính, vẽ đồ thị trên bảng tính, phân tích độ nhạy và phân tích hồi quy, quy trình lập bài toán trên bảng tính, tổng hợp dữ liệu, giải quyết các thuật toán thống kê trên bản tính (thống kê mô tả phân tích đơn biến, thống kê mô tả bản chéo, thống kê mô tả suy diễn- kiểm định, thống kê suy diễn: So sánh trị trung bình)

10.34. Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng Mã môn học: 002222 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản trị bán hàng và chăm sóc khách hàng như các khái niệm nền tảng, các nguyên tắc, kỹ thuật... trong quản trị hoạt động bán hàng, quản trị nhân viên bán hàng và hoạt động chăm sóc khách hàng.

10.35. Quản lý logistics Mã môn học: 002134 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức về logistics bao gồm: Tổng quan về logistics và chuỗi cung ứng, quản lý nhu cầu và dịch vụ khách hàng, mua sắm và quản lý cung cấp, quyết định kho hàng, hệ thống vận tải, các mối quan hệ Logistic và bên Logistics thứ ba, Logistic và hệ thống thông tin chuỗi cung ứng, thiết kế mạng lưới logistics và vị trí nhà xưởng, thách thức đối với logistics và chuỗi cung ứng tương lai.

10.36. Phân tích hoạt động kinh doanh Mã môn học: 001967 TC: 3

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh cung cấp cho học viên những nội dung kiến thức bao gồm: Tổng quan về phân tích hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất, phân tích chi phí kinh doanh, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh, phân tích lợi nhuận, phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp và mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến kết quả đó nhằm tìm hiểu bản chất và nguyên nhân để có thể đề xuất các biện pháp khắc phục

10.37. Kế toán doanh nghiệp Mã môn học: 001023 TC: 3

Nắm vững và vận dụng được kiến thức về tổng quan về tổ chức công tác kế toán, kế toán hàng hóa, vật liệu, công cụ dụng cụ, kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, kế toán vốn bằng tiền và thanh toán, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, kế toán tiêu thị và xác định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính doanh nghiệp.

10.38. Tài chính doanh nghiệp Mã môn học: 002338 TC: 3

Nắm vững và vận dụng được kiến thức về tổng quan về tài chính doanh nghiệp, chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp, nguồn vốn của doanh nghiệp, đầu tư dài hạn trong doanh nghiệp, chi phí vốn và cơ cấu vốn, định giá doanh nghiệp và quản lý vốn lưu động, vốn cố định trong doanh nghiệp, phân tích tài chính doanh nghiệp.

10.39. Phân tích thẩm định dự án Mã môn học: 001981 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức về phân tích thẩm định dự án cung cấp học viên các kiến thức bao gồm: Tổng quan về phân tích dự án đầu tư, báo cáo dòng tiền dự án, tính toán dòng tiền dự án, các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả dự án đầu tư, thẩm định dự án, phân tích lạm phát, quy mô và thời điểm đầu tư, rủi ro dự án và các phương pháp phân tích rủi ro dự án, phân tích mô phỏng dự án.

10.40. Quản lý marketing Mã môn học: 002141 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Các vấn đề chung về quản lý Marketing, chiến lược và kế hoạch Marketing, phân tích môi trường marketing, các mô hình và phương

pháp xây dựng chiến lược Marketing, chiến lược và quản lý sản phẩm, tuyển dụng và quản lý lực lượng bán hàng, khuyến khích và quảng bá sản phẩm, đánh giá chiến lược Marketing.

10.41. Quản lý dự án

Mã môn học: 002120 TC: 2

Nội dung học phần Quản lý dự án cung cấp cho học viên kiến thức bao gồm: Giới thiệu các vấn đề cơ bản về dự án, quy trình quản lý dự án, cấu trúc phân công công việc và xây dựng cấu trúc công việc, ngân sách, tài chính cho dự án, lập kế hoạch và tiến độ dự án, tổ chức dự án, kiểm soát dự án, quản trị rủi ro của dự án, quản lý dự án với Microsoft Project.

10.42. Thương mại điện tử

Mã môn học: 003105 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Tổng quan về thương mại điện tử, cơ sở để phát triển thương mại điện tử, các hình thức giao dịch trong TMĐT, thanh toán trong thương mại điện tử, doanh nghiệp Việt Nam với thương mại điện tử.

10.43. Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh

Mã môn học: 001415 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được những vấn đề cốt yếu cho việc khởi sự kinh doanh như những kế sách, công nghệ, địa điểm, marketing, tài chính, ý tưởng được lựa chọn cho khởi nghiệp kinh doanh, lập kế hoạch cụ thể cho khởi sự kinh doanh, và thực hành lập kế hoạch kinh doanh cho việc khởi sự.

10.44. Quản lý chất lượng

Mã môn học: 002089 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm:

Những vấn đề cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng TQM, các công cụ trong quản lý chất lượng, các phương pháp cải tiến chất lượng, các phương pháp nâng cao chất lượng thiết kế, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000.

10.45. Thuế và hệ thống thuế Việt Nam

Mã môn học: 003093 TC: 3

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Tổng quan về thuế, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, phí, lệ phí và các loại thuế khác.

10.46. Marketing dịch vụ

Mã môn học: 001674 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Tổng quan về marketing dịch vụ, nâng cao năng suất trong marketing dịch vụ, khác biệt hóa và định vị dịch vụ của doanh nghiệp, chất lượng dịch vụ, Marketing Mix dịch vụ, lập kế hoạch, tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ.

10.47. Nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương

Mã môn học: 001806 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Các phương thức giao dịch mua bán trên thị trường thế giới, hợp đồng thương mại Quốc tế, thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế, vận tải quốc tế, chuyên chở hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển, vận tải đa phương thức quốc tế, bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu chuyên chở bằng đường biển, các điều kiện thương mại quốc tế.

10.48. Quản trị kinh doanh quốc tế

Mã môn học: 002260 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Khái quát về kinh doanh quốc tế và môi trường kinh doanh quốc tế, các định chế và chủ thể trong kinh doanh quốc tế, thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, kinh doanh tài chính tiền tệ quốc tế, kinh doanh các dịch vụ quốc tế, chiến lược kinh doanh quốc tế, đàm phán và giao dịch trong kinh doanh quốc tế.

10.49. Quản lý quan hệ khách hàng

Mã môn học: 002184 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Tổng quan về khách hàng, khái niệm về quản trị quan hệ khách hàng, giao dịch với khách hàng, xây dựng quy trình quản trị quan hệ khách hàng, thực hiện chăm sóc khách hàng, chuỗi công thức Cascade, văn hóa chăm sóc khách hàng.

10.50. Quản lý công nghệ (0*)

Mã môn học: 002114

TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Tổng quan về công nghệ trong sản xuất kinh doanh, vai trò của công nghệ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, vòng đời công nghệ, công nghệ và việc tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp, công nghệ phù hợp, đánh giá và lựa chọn công nghệ, những vấn đề cơ bản trong chuyên giao công nghệ, dự báo công nghệ, các vấn đề cơ bản trong xây dựng chiến lược công nghệ, chính sách khoa học công nghệ quốc gia và ảnh hưởng tới chiến lược công nghệ của công ty.

10.51. Nghiên cứu marketing (0*)

Mã môn học: 001797

TC: 2

Nội dung học phần Nghiên cứu Marketing trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản bao gồm: Giới thiệu chung về nghiên cứu Marketing, xác định mục tiêu nghiên cứu và lập kế hoạch nghiên cứu, môi trường nghiên cứu Marketing, lập kế hoạch lấy mẫu, phương pháp nghiên cứu sử dụng số liệu thứ cấp, nghiên cứu dựa trên khảo sát với các bản hỏi, thiết kế bản hỏi, phân tích thống kê dữ liệu và diễn giải, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu, một số lĩnh vực nghiên cứu Marketing.

10.52. Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao

Mã môn học: 003222

TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Kỹ năng đọc dịch tài liệu chuyên ngành, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết lĩnh vực quản trị kinh doanh, từ điển thuật ngữ chuyên ngành Quản trị kinh doanh.

10.53. Quản lý rủi ro

Mã môn học: 002268

TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Giới thiệu các vấn đề cơ bản về rủi ro, các phương pháp phân tích rủi ro, định nghĩa hệ thống và cấu trúc, đánh giá rủi ro, hậu quả của hỏng hóc và mức độ nguy hiểm, tính toán kinh tế tài chính, các phương pháp kiểm soát rủi ro, dữ liệu để nghiên cứu rủi ro.

10.54. Quản lý mua hàng (0*)

Mã môn học: 002151

TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Giới thiệu về quản lý mua hàng trong chuỗi cung ứng, quá trình mua hàng, các chính sách và thủ tục mua hàng, tích hợp công tác mua hàng để tạo ra thế mạnh cạnh tranh, vai trò mua hàng trong tổ chức, đánh giá và lựa chọn các nhà cung cấp, quản lý chất lượng các nhà cung cấp, quản lý và phát triển các nhà cung cấp.

10.55. Công nghệ phục vụ khách sạn

Mã môn học: 000326

TC: 2

Nắm vững được các kiến thức cơ bản về công nghệ phục vụ của bộ phận lễ tân, buồng, bàn và bar trong khách sạn

10.56. Nghiệp vụ nhà hàng

Mã môn học: 001811

TC: 2

Nắm vững và vận dụng các kiến thức cơ bản nhà hàng, về các nghiệp vụ, quy trình thực hiện nghiệp vụ trong nhà hàng g như nghiệp vụ bàn, nghiệp vụ bar và nghiệp vụ bếp.

10.57. Tiếng Anh chuyên ngành KSDL

Mã môn học: 003217

TC: 3

Nắm vững và vận dụng kiến thức về quản trị du lịch khách sạn; cái khái niệm về văn hoá doanh nghiệp và nghệ thuật lãnh đạo, các bài đọc tiếng Anh chuyên ngành du lịch và khách sạn; viết các bài luận và các báo cáo về chủ đề được học; thuyết trình và tham gia các hoạt động nhóm.

10.58. Thực tập nghiệp vụ**Mã môn học: 002843****TC: 2**

Giúp cho sinh viên cơ hội được tiếp xúc và thực hành các nghiệp vụ đã được học tại doanh nghiệp kinh doanh khách sạn du lịch cụ thể để rèn luyện, phát triển kỹ năng nghề nghiệp tương lai.

10.59. Quản trị kinh doanh khách sạn**Mã môn học: 002252****TC: 3**

Nắm vững các kiến thức tổng quan về khách sạn và kinh doanh khách sạn, các hoạt động quản lý, tổ chức, tác nghiệp trong kinh doanh lưu trú như cơ cấu tổ chức, quản trị nguồn nhân lực, quản trị kinh doanh buồng phòng, ăn uống, quản trị marketing, tài chính, quản trị chất lượng dịch vụ trong khách sạn.

10.60. Quản trị kinh doanh lữ hành**Mã môn học: 002256****TC: 3**

Nắm vững và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Quản trị kinh doanh Lữ hành bao gồm: Những vấn đề cơ bản về kinh doanh lữ hành, công nghệ lữ hành, hoạt động trung gian và mối quan hệ giữa lữ hành với các nhà cung cấp sản phẩm dịch vụ du lịch, xây dựng các chương trình du lịch trong nước trọn gói, tổ chức các hoạt động quảng cáo, bán và thực hiện các chương trình du lịch, quản lý chất lượng sản phẩm, dịch vụ của hãng lữ hành, chất lượng và chính sách kinh doanh của hãng lữ hành.

10.61. Giám sát khách sạn**Mã môn học: 000776****TC: 2**

Nắm vững và vận dụng những kiến thức cơ bản về tổng quan giám sát khách sạn, vai trò của giám sát viên, phương pháp giám sát hiệu quả, các kỹ năng giao tiếp của giám sát viên.

10.62. Quản trị kinh doanh nhà hàng**Mã môn học: 002258****TC: 3**

Nắm vững và vận dụng những kiến thức về quản trị tổ chức kinh doanh nhà hàng, marketing trong kinh doanh nhà hàng, quản trị nhân lực nhà hàng, quản trị hậu cần, quản trị sản xuất và cung ứng dịch vụ trong nhà hàng, quản trị tài chính.

10.63. Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị**Mã môn học: 002248****TC: 2**

Nắm vững kiến thức tổng quan về dịch vụ trong nền kinh tế, đặc điểm của mô hình dịch vụ, chiến lược trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ, xác định dịch vụ và tiếp thị dịch vụ, thiết kế và cải tiến quy trình dịch vụ giải trí và hội nghị, điều hành nhân sự.

10.64. Thương mại điện tử**Mã môn học: 003105****TC: 2**

Nắm vững và vận dụng được kiến thức cơ bản bao gồm: Tổng quan về thương mại điện tử, cơ sở để phát triển thương mại điện tử, các hình thức giao dịch trong TMĐT, thanh toán trong thương mại điện tử, doanh nghiệp Việt Nam với thương mại điện tử.

10.65. Luật du lịch (*)**Mã môn học: 001499****TC: 2**

Giúp cho người học hiểu rõ và nắm được các kiến thức cơ bản về pháp luật và quy định đặc thù có liên quan đến hoạt động kinh doanh du lịch, làm cơ sở để vận dụng trong hoạt động kinh doanh du lịch.

10.66. Tình huống tác nghiệp kinh doanh khách sạn du lịch(*)**Mã môn học: 003337****TC: 2**

Giúp cho người đọc nắm rõ giới thiệu về tình huống tác nghiệp kinh doanh khách sạn, phân tích tình huống tác nghiệp, quản trị tình huống tác nghiệp, ứng xử trong những tình huống, giải quyết vấn đề phát sinh tình huống tác nghiệp kinh doanh khách sạn. Từ đó, học viên có thể đưa ra được các phương án giải quyết một cách khéo léo và đầy tính nghệ thuật.

10.67. Marketing du lịch (*)**Mã môn học: 001681****TC: 2**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản bao gồm: Tổng quan về marketing du lịch, nâng cao hiệu quả trong marketing dịch vụ du lịch, khác biệt hóa và định vị dịch vụ của doanh nghiệp du lịch, chất lượng dịch vụ du lịch, Marketing Mix dịch vụ du lịch, lập kế hoạch, tổ chức hoạt động kinh doanh dịch vụ trong doanh nghiệp du lịch.

10.68. Quản lý chất lượng dịch vụ (*) Mã môn học: 002095 TC: 2

Nắm bắt được những vấn đề cơ bản về chất lượng và quản lý chất lượng, hệ thống quản lý chất lượng TQM, các công cụ trong quản lý chất lượng, các phương pháp cải tiến chất lượng, các phương pháp nâng cao chất lượng thiết kế, hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 trong ngành quản trị và dịch vụ.

10.69. Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch (*)

Mã môn học: 002360 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức tổng quan về tâm lý học trong giao tiếp, hoạt động giao tiếp, ứng dụng tâm lý học trong giao tiếp ứng xử trong kinh doanh, các kỹ năng giao tiếp cơ bản trong kinh doanh, tâm lý nhóm và giao tiếp nhóm trong kinh doanh du lịch.

10.70. Hướng dẫn du lịch (0*) Mã môn học: 000997 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức tổng quát về hướng dẫn du lịch, các phẩm chất cần có của một người hướng dẫn viên du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, tham quan du lịch và phương pháp hướng dẫn tham quan, cách xử lý tình huống trong hoạt động hướng dẫn du lịch.

10.71. An toàn vệ sinh thực phẩm (0*) Mã môn học: 000032 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức bao gồm: Chất lượng thực phẩm và hoạt động quản lý, ô nhiễm thực phẩm và các nguyên nhân, phân tích đánh giá an toàn vệ sinh thực phẩm, phương pháp kiểm tra, thanh tra an toàn vệ sinh thực phẩm và tư vấn luật thực phẩm, giáo dục sức khỏe cộng đồng, hệ thống tiêu chuẩn hóa trong an toàn vệ sinh thực phẩm (HACCP, ISO 9000, ISO 22000: 2005, SQF, GMP, SSOP).

10.72. Quản lý ẩm thực (0*) Mã môn học: 002084 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức để có thể xác lập được tính khả thi của một đề án nhà hàng, ra định hướng cho từng món để kiểm soát chi phí và lời lỗ, ra thực đơn nhà hàng. Sinh viên sẽ biết cách ứng phó và xử lý các tình huống xảy ra trong thực tiễn, hiểu biết tâm lý khách hàng, tự tin quản lý và điều hành các mô hình bếp hiện đại tại Việt nam.

10.73. Du lịch sinh thái (0*) Mã môn học: 000751 TC: 2

Nắm vững và vận dụng được kiến thức: Giới thiệu tổng quan về hệ sinh thái, sự vận dụng các nguyên lý sinh thái học vào du lịch sinh thái, những vấn đề cơ bản về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái, xây dựng quy hoạch, kế hoạch quản lý và các chiến lược cơ bản phát triển du lịch sinh thái, một số phương pháp trong lập kế hoạch và phát triển du lịch sinh thái, du lịch sinh thái và bảo tồn thiên nhiên, quản lý du lịch sinh thái.

10.74. Giao tiếp tiếng Anh trong du lịch Mã môn học: 000825 TC: 3

Nắm vững và vận dụng được kiến thức tiếng Anh với vốn từ vựng khoảng 2000- 3000 từ và chương trình ngữ pháp trình độ B, các kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp với các thị trường lân cận, tương lai đơn giản, thì quá khứ hoàn thành, thể bị động, cấu trúc used to, các bài hội thoại với các tình huống trong du lịch.

10.75. Thực hành môn học QTDN Mã môn học: 002694 TC: 4

Nắm vững và vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích, đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp cụ thể, trên cơ sở đó rút ra được những kiến thức, kỹ năng nghề trước khi ra trường.

10.76. Thực hành môn học QTDL,KS Mã môn học: 002695 TC: 4

Nắm vững và vận dụng được kiến thức đã học vào việc phân tích, đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh của một doanh nghiệp thuộc ngành Du lịch và khách sạn cụ thể, trên cơ sở đó rút ra được những kiến thức, kỹ năng nghề trước khi ra trường.

10.77. Thực tập tốt nghiệp Mã môn học: 003029 TC: 4

Nắm vững và vận dụng được kiến thức thực tế trong quá trình thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp kinh doanh nói chung hoặc doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khách sạn hoặc du lịch nói riêng. Đồng thời hướng dẫn sinh viên thực hiện báo cáo tốt nghiệp về quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khách sạn và du lịch về các lĩnh vực như quản trị kinh doanh du lịch, quản lý marketing, quản lý nhân lực, quản lý tour, quản lý chất lượng dịch vụ...

10.78. Khóa luận tốt nghiệp Mã môn học: 003798 TC: 10

Nắm vững và vận dụng được kiến thức thực tế chuyên sâu trong những kiến thức thực tế chuyên sâu trong quản trị khách sạn và du lịch, cung cấp tài liệu và hướng dẫn sinh viên thực hiện có thể nghiên cứu và định hình những ý tưởng hoặc các giải pháp nhằm cải tiến doanh nghiệp trong ngành kinh doanh khách sạn và du lịch về các lĩnh vực như quản trị kinh doanh du lịch, quản trị kinh doanh nhà hàng, quản trị kinh doanh

11. Bảng kiểm đánh giá năng lực người học

- Bảng kiểm năng lực cần được đưa vào sử dụng để thực hiện đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp.

- Bảng kiểm năng lực có thể được áp dụng tại các thời điểm khác nhau để đánh giá trong suốt quá trình theo học chương trình.

- Sinh viên năm thứ 3 trở đi có thể sử dụng Bảng kiểm để tự đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng của mình, từ đó xây dựng kế hoạch cho giai đoạn còn lại để tại thời điểm tốt nghiệp có năng lực như kỳ vọng.

- Khoa có thể sử dụng kết quả đánh giá từ bảng kiểm năng lực để rà soát và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với CDR của chương trình và môn học đã tuyên bố và yêu cầu của người học và xã hội.

BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC
(4 cấp bậc đánh giá: 1. D-TB yếu; 2. C-TB khá; 3. B-Khá; 4. A-Giỏi)

ST T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																										
1	003923	Triết học Mác Lênin	3	45	0		2																		2	
2	003925	Kinh tế chính trị Mác Lênin	2	30	0		2																		2	
3	003926	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	0		2																		2	
4	003928	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2	30	0		2																		2	
5	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0		2																		2	
6	000765	Tiếng Anh 1	4	60	0													2								
7	003137	Tiếng Anh 2	3	45	0													2								
8	000801- 000808- 000813- 003144	Giáo dục thể chất	4	5	110																					
9	000785- 000788- 000791- 003788	Giáo dục quốc phòng	11	90	75																					
10	003788	Toán cao cấp 1	2	30	0	2																				
11	003360	Toán cao cấp 2	2	30	0	2																				

ST T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
12	003366	Xác suất thống kê	2	30	0	2																				
13	003657	Nhập môn tin học	3	39	12			2										2								
14	001893	Pháp luật đại cương	2	30	0				2							5									4	
15	002018	Quản trị học	3	45	0				3	3					4		4							3	4	

KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP

CƠ SỞ NGÀNH

1	001216	Kinh tế vi mô	3	45	0	3	3		3	3				2												
2	001223	Kinh tế vĩ mô	2	30	0				2		2		1								2				2	2
3	001671	Marketing căn bản	2	30	0			3			3			2							2					3
4	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	45	0			4	4					4				4				5				4
5	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	3	45	0	3			3					3		3										
6	001506	Luật kinh tế	2	30	0																					
7	001838	Nguyên lý kế toán	3	45	0						3	3			3										3	
NGÀNH BẮT BUỘC																										
1	002176	Quản lý nhân lực	3	45	0				3	4		3								3					4	4

ST T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
2	002208	Quản lý tài chính	3	45	0					3				3		3										3
3	000837	Hành vi tổ chức	2	30	0		3													3			3		3	3
4	002199	Quản lý tác nghiệp	3	45	0	3						3	3	2		3							3			
5	003176	Tiếng Anh chuyên ngành	3	45	0	2	2				1			3					4				3			
6	001051	Kế toán quản trị và chi phí	2	30	0	3	3		3							3										
7	002059	PP Nghiên cứu khoa học	2	30	0							3						2		3			3		3	3
8	002106	Quản lý chiến lược	2	30	0				3	3	3									3					4	4
NGÀNH TỰ CHỌN																										
9	000962	Hệ thống thông tin quản lý (*)	2	30	0	2		2		2						5		4			3					
10	003783	Kinh tế lượng (*)	3	45	0																					
11	003786	Tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế (*)	2	30	0	3		3															3			
12	002222	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng (*)	2	30	0							5	5		4					4		5			4	
13	002184	Quản lý quan hệ khách hàng (0*)	2	30	0					3				3	3					3				3		3

ST T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
14	002151	Quản lý mua hàng(*)	2	30	0						3			3		2				3		3			3	
CHUYÊN NGÀNH QTDN BẮT BUỘC																										
1	002134	Quản lý logistics	2	30	0						3		4							3		3			3	3
2	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	45	0			3	3	3				3		3				3						
3	001023	Kế toán doanh nghiệp	3	45	0					3					3										5	
4	002338	Tài chính doanh nghiệp	3	45	0					2	3	3								3	3	3				
5	001981	Phân tích thẩm định dự án	2	30	0							3	3	3		3		4								
6	002141	Quản lý marketing	2	30	0				4			4		4							3		3		4	
7	002120	Quản lý dự án	2	30	0	3			3	3	3		3									3				
8	003105	Thương mại điện tử*	2	30	0	3	3	3																	3	3
9	001415	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	2	30	0				4	4						4				3	4					4
10	002694	Thực hành môn học QTDN	4	0	160															3		2	5	5		
CHUYÊN NGÀNH QTDN TỰ CHỌN																										
11	002089	Quản lý chất lượng (*)	2	30	0						3		3	3		4					4					3

ST T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
12	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam (*)	3	45	0						3			3		4		3					2			
13	001674	Marketing dịch vụ (*)	2	30	0				2	3			3	3							3	3				
14	001806	Nghiệp vụ kinh doanh ngoại thương (*)	2	30	0	3	3				3							4		4					3	
15	002260	Quản trị kinh doanh quốc tế (*)	2	30	0					3			3	4	4							4		2		
16	002114	Quản lý công nghệ (0*)	2	30	0				3			3	4					4	3							3
17	001797	Nghiên cứu marketing (0*)	2	30	0		3				3			3		3				3	3					
18	003222	Tiếng Anh chuyên ngành nâng cao (0*)	2	30	0					3						3			4		4					3
19	002187	Quản lý rủi ro (0*)	2	30	0							3	3	3						3	3					2
CHUYÊN NGÀNH QTDLKS BẮT BUỘC																										
1	000326	Công nghệ phục vụ khách sạn	2	30	0							3	3			3				3		3				4
2	001811	Nghiệp vụ nhà hàng	2	30	0					3										3		3	3	3		
3	003217	Tiếng Anh chuyên ngành KSDL	3	45	0	3	3							3					3				3			
4	002843	Thực tập nghiệp vụ	2	0	80				3					3	3		3	3		4						

ST T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
5	002252	Quản trị kinh doanh khách sạn	3	45	0							3	3					4		4		4	4			
6	002256	Quản trị kinh doanh lễ hành	3	45	0							3	4			3						4			4	4
7	000776	Giám sát khách sạn	2	30	0		3			3			3									3			3	3
8	002258	Quản trị kinh doanh nhà hàng	3	45	0					3	3	3	3									4	4			
9	002248	Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị	2	30	0		3					4	4									4			4	4
10	003105	Thương mại điện tử	2	30	0	3	3	3																	3	3
11	002695	Thực hành môn học QTDLKS	4	0	160															3		2	5	5		
CHUYÊN NGÀNH QTDLKS TỰ CHỌN																										
12	1499	Luật du lịch (*)	2	30	0						3			3		3		3							3	
13	3337	Tình huống tác nghiệp kinh doanh khách sạn du lịch(*)	2	30	0		3				3	3	3			3							3			
14	1681	Marketing du lịch (*)	2	30	0				3	3			3			3						3				3
15	002095	Quản lý chất lượng dịch vụ (*)	2	30	0						3		3	3		3					3					3

ST T	Mã môn học	Tên môn học	T C	L T	TH	KIẾN THỨC								KỸ NĂNG									TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM			
						K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	KN 7	KN 8	KN 9	TC 1	TC 2	TC 3	TC 4
						1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21
16	002360	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch (*)	2	30	0								3									3			3	3
17	000997	Hướng dẫn du lịch (0*)	2	30	0								4			3						3	3		3	3
18	002184	Quản lý quan hệ khách hàng (0*)	2	30	0					3				3	3					3				3		3
19	000032	An toàn vệ sinh thực phẩm (0*)	2	30	0		3			3			3									3			3	3
20	002084	Quản lý ẩm thực (0*)	2	30	0						3		3									3		3	3	3
21	000751	Du lịch sinh thái (0*)	2	30	0								3							3		3			3	3
22	000825	Giao tiếp tiếng Anh trong du lịch (0*)	3	45	0	3	3							3							3	3				
23	002694	Thực tập tốt nghiệp	4	0	160									1				2				4				4
24	003798	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	10	0	160									1				2				4	5			4

12. Điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

12.1. Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
1	Nguyễn Thị Thanh Dân, 1986, Giảng viên	TS, 2013	QTKD	ĐHĐL, 01/03/2014	Quản lý nhân lực, Quản trị kinh doanh nhà hàng, tình huống tác nghiệp kinh doanh khách sạn du lịch
2	Nguyễn Thị Vân Anh, 1981, Phó trưởng BM	ThS, 2006	QTKD	ĐHĐL, 15/4/2007	Human resource Management, Lập kế hoạch và khởi sự KD
3	Đàm Văn Khanh, 1961, Giảng viên	ThS, 2008	QTKD	ĐHĐL, 05/6/2009	Quản trị học
4	Nguyễn Văn Nam, 1939, Giảng viên	PGS, 1996; TS, 1985	KDTM	ĐHĐL, 01/12/2017	Quản lý chiến lược
5	Nguyễn Thu Hương, 1986, Giảng viên	ThS, 2018	QTKD	ĐHĐL, 01/9/2013	Quản trị kinh doanh lữ hành, Nghiệp vụ nhà hàng
6	Nguyễn Thế Mừng, 1977, Giảng viên	ThS, 2016	Luật	ĐHĐL, 15/6/2006	Pháp luật đại cương, luật kinh tế
7	Vũ Đức Nghĩa, 1979, Giảng viên	TS, 2012	Kinh tế	ĐHĐL, 01/5/2014	Toán rời rạc
8	Trần Thanh Tuấn, 1983, Giảng viên	TS, 2013	Tài chính	ĐHĐL, 01/3/2014	Quản lý tài chính, Tài chính doanh nghiệp
9	Đinh Thị Minh Tâm, 1987, Giảng viên	ThS, 2013	QTKD	ĐHĐL, 01/9/2010	Quản lý tài chính, Phân tích thẩm định dự án
10	Lê Thị Mai Hương, 1988, Giảng viên	ThS, 2013	Tài chính	ĐHĐL, 01/5/2010	Quản lý tài chính, Tài chính doanh nghiệp
11	Đặng Quốc Hương, 1990, Giảng viên	ThS, 2015	Tài chính	ĐHĐL, 10/4/2015	Tài chính DN
12	Nguyễn Quỳnh Anh, 1991, Giảng viên	ThS, 2015	Tài chính	ĐHĐL, 15/3/2012	Nguyên lý kế toán, kế toán quản trị và chi phí
13	Nguyễn Thị Thủy, 1987, Giảng viên	ThS, 2012	Tài chính	ĐHĐL, 01/8/2010	Tài chính DN

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
14	Phạm Việt Bình, 1989, Giảng viên	ThS, 2013	Tài chính	ĐHĐL, 06/9/2014	Hệ thống thông tin quản lý, Tiếng Anh chuyên ngành
15	Phạm Quốc Huân, 1983, Giảng viên	ThS, 2013	Tài chính	ĐHĐL, 15/12/2008	Phân tích hoạt động kinh doanh
16	Nguyễn Thị Kim Chi, 1979, Giảng viên	ThS, 2014	Kế toán	ĐHĐL, 01/01/2011	Kế toán quản trị chi phí
17	Đinh Thị Lan, 1983, Giảng viên	ThS, 2010	Kế toán	ĐHĐL, 01/4/2012	Nguyên lý kế toán, thuế và hệ thống thuế Việt Nam
18	Nguyễn Thị Kim Thanh, 1978, Giảng viên	ThS, 2007	QTKD	ĐHĐL, 01/8/2009	Quản lý Marketing, Marketing căn bản
19	Cao Thị Phương Thủy, 1982, Giảng viên	ThS, 2009	QTKD	ĐHĐL, 01/10/2012	Kinh tế vi mô, Kinh tế vĩ mô, Công nghệ phục vụ khách sạn
20	Trần Xuân Giao, 1989, Giảng viên	ThS, 2018	QTKD	ĐHĐL, 01/11/2018	Kế toán DN
21	Đặng Thành Chung, 1979, Phó trưởng BM	ThS, 2006	KTCT	ĐHĐL, 01/10/2007	Triết học Mac Lê nin, chủ nghĩa xã hội khoa học
22	Nguyễn Ngọc Hiền, 1985, Giảng viên	ThS, 2011	KT-Kiểm toán	ĐHĐL, 01/11/2011	Kế toán doanh nghiệp
23	Trần Thu Huyền, 1986, Giảng viên	ThS, 2011	Tài chính	ĐHĐL, 15/3/2012	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam
24	Nguyễn Ngọc Trung, 1987, Giảng viên	ThS, 2014	QTKD	ĐHĐL, 01/9/2009	Vệ sinh an toàn thực phẩm, luật du lịch, Quản trị kinh doanh dịch vụ giải trí và hội nghị
25	Lê Anh Tuấn, 1973, Trưởng khoa	PGS, 2013; TS, 2005	Kinh tế	ĐHĐL, 01/4/2007	Quản lý chiến lược, Phương pháp tối ưu trong quản lý kinh tế
26	Phan Duy Hùng, 1989, Giảng viên	ThS, 2014	KD Thương mại	ĐHĐL, 10/4/2015	Quản trị kinh doanh quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương, nguyên lý thống kê kinh tế
27	Nguyễn Ngọc Thía, 1985, Giảng viên	ThS, 2011	QTKD	ĐHĐL, 01/8/2009	Kinh tế lượng, tin học ứng dụng trong quản lý kinh tế, quản lý dự án

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong; Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Chuyên ngành được đào tạo	Năm, nơi tham gia giảng dạy	Môn tham gia giảng dạy trong CTĐT
28	Nguyễn Trung Hạnh, 1981, Giảng viên	ThS, 2011	QTKD	ĐHĐL, 01/10/2011	Hệ thống thông tin quản lý, Thương mại điện tử
29	Dương Văn Hùng, 1988, Giảng viên	ThS, 2014	QTKD	ĐHĐL, 01/6/2012	Quản lý tác nghiệp, Phương pháp nghiên cứu khoa học
30	Ngô Trọng Tuấn, 1990, Giảng viên	ThS, 2014	QTKD	ĐHĐL, 01/7/2013	Quản lý Marketing, Tiếng Anh chuyên ngành KSDL, QLCLDV
31	Nguyễn Thị Việt Ngọc, 1982, Giảng viên	ThS, 2009	QTKD	ĐHĐL, 01/9/2010	Hành vi tổ chức, Phương pháp nghiên cứu khoa học, tâm lý và nghệ thuật giao tiếp trong kinh doanh du lịch
32	Trương Thị Thu Hương, 1979, Giảng viên	ThS, 2007	QTKD	ĐHĐL, 01/11/2011	Quản trị bán và dịch vụ chăm sóc khách hàng
33	Vũ Hồng Tuấn, 1976, Giảng viên	ThS, 2009	QTKD	ĐHĐL, 01/10/2012	Quản trị kinh doanh khách sạn, Giám sát khách sạn
34	Nguyễn Đăng Bộ, 1976, Giảng viên	ThS, 2013	QTKD	ĐHĐL, 01/01/2010	Quản trị học, Quản lý nhân lực

12.2. Cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ cho chương trình đào tạo

PHÒNG HỌC, GIẢNG ĐƯỜNG, TRANG THIẾT BỊ HỖ TRỢ GIẢNG DẠY

Số TT	Loại phòng học (Phòng học, giảng đường, phòng học đa phương tiện, phòng học ngoại ngữ, phòng máy tính...)	Số lượng	Diện tích (m ²)	Danh mục trang thiết bị chính hỗ trợ giảng dạy		
				Tên thiết bị	Số lượng	Phục vụ học phần/môn học
1	Phòng học	106	14629			
2	Phòng máy tính		875	Máy tính	218	
3	Phòng học ngoại ngữ	0	0			
4	Hội trường	2	292			
5	Thư viện	1	1176	Sách	4448	

DANH MỤC GIÁO TRÌNH DÙNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
1	003923	Triết học Mác Lênin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin			Bộ Giáo dục và đào tạo	2019	
2	003505	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh dùng cho các trường Đại học Cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh	KMN18001 21-3	Bộ giáo dục và đào tạo	Nhà xuất bản chính trị quốc gia sự thật	2017	3
3	003360	Toán cao cấp 1	Toán học cao cấp Tập 1 Đại số và hình học giải tích	Vn1101320 -568	Nguyễn Đình Trí	Nhà xuất bản Giáo dục	2001	249
4	003366	Toán cao cấp 2	Toán học cao cấp Tập 2 Phép tính giải tích và biến số	Vn1101823 -2073	Nguyễn Đình Trí	Nhà xuất bản Giáo dục	2001	250
5	003657	Xác suất thống kê	Giáo trình lý thuyết và xác suất thống kê toán	VN1102929 -33; VN1408626 -75	Nguyễn Cao Văn	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân	2008	55
6	001893	Nhập môn tin học	Giáo trình nhập môn tin học	KML18001 38	Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Hữu Quỳnh, Nguyễn Thị Thanh Tân	Đại học Điện lực	2014	1
7	002018	Pháp luật đại cương	Pháp luật đại cương dùng cho các trường Đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp			Nhà xuất bản Chính trị quốc gia	2008	
8	002244	Quản trị học	Quản Trị Học	KMV18002 09	Nguyễn Hải Sản	Nhà xuất bản Thống kê	2007	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
9	001216	Kinh tế vi mô	Bài tập kinh tế vi mô	KMN18001 45	PGSTSVũ Kim Dũng	NXB Văn hóa thông tin	2014	1
10	001223	Kinh tế vĩ mô	Giáo trình Kinh tế học vĩ mô	KMV18002 40	PGSTS Nguyễn Ái Đoàn	Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội	2010	1
11	001671	Marketing căn bản, Quản trị Marketing	Marketing căn bản	KMN18002 66- KMN18002 67	PGSTS Trần Minh Đạo	NXB Thống kê	2013	2
13	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	Giáo trình Lý thuyết thống kê	Vv1101275 -9	Phạm Ngọc Kiềm	NXB Giáo dục	2008	5
14	002078	Phương pháp tối ưu trong kinh tế	Phương pháp định lượng trong quản lý kinh tế	KMV18001 10; KMV18002 37; KMV19003 87	PSGTS Lê Anh Tuấn, Ths Nguyễn Ngọc Thía, TS Dương Trung Kiên	NXB giáo dục Việt nam	2012	3
15	001838	Nguyên lý kế toán	Nguyên lý kế toán	KMV18002 34	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2012	1
			Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	KMV18002 33	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2012	1
			Nguyên lý kế toán	KMV18003 94	Nguyễn Tô Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2018	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
			Hệ thống câu hỏi và bài tập Nguyên lý kế toán	KMV18003 95	Nguyễn Tổ Tâm, Nguyễn Ngọc Hiền, Lê Thị Mai Hương, Nguyễn Đức Quang	Nhà xuất bản giáo dục	2018	1
16	002176	Quản lý nhân lực (*)	Quản trị nguồn nhân lực	KMV18002 38	Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm	NXB Đại học Kinh Tế Quốc Dân	2012	1
17	002208	Quản lý tài chính	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	KMV18002 13	TS Bùi Văn Vân, TS Vũ Văn Ninh	Nhà xuất bản Tài chính	2013	1
18	000837	Hành vi tổ chức (*)	Giáo trình Hành vi tổ chức	KMN20004 17	Phạm Thúy Hương, Phạm Thị Bích Ngọc	NXB Đại học KTQD	2019	1
19	002199	Quản lý tác nghiệp	Giáo trình Quản trị sản xuất và tác nghiệp	VN1105680 -86	Trần Đức Lộc	NXB Tài chính	2008	5
20	002059	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	VN1106691 -9	Vũ Cao Đàm	Khoa học kỹ thuật	2005	9
21	002106	Quản trị chiến lược	Giáo trình quản trị chiến lược	Vv1307977 - Vv1307996	PGSTS Ngô Kim Thanh	NXB KTQD	2012	20
22	000962	Hệ thống thông tin quản lý	Giáo trình hệ thống thông tin quản lý	Vv1106944 -60	Phạm Thị Thanh Hồng	NXB Khoa học và Kỹ thuật	2007	17
23	003786	Tin học ứng dụng trong Quản lý kinh tế	Giáo trình Tin học ứng dụng	KMN 1200003	PGSTS Hàn Viết Thuận	NXB ĐHKT Quốc dân	2012	1
24	002222	Quản lý bán và DVCSKH	Marketing căn bản	KMV18002 35	Philip Kotler, [dịch giả: Phan Thăng- Vũ Thị Phụng – Giang Văn Chiến]	NXB Giao thông vận tải	2005	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
25	002134	Quản lý Logistic	Giáo trình Quản trị hậu cần	KMV18003 77, KMV18003 78	Lê Công Hoa	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2012	2
26	001967	Phân tích hoạt động kinh doanh	Giáo trình phân tích kinh doanh	KMV18002 11	PGSTS Nguyễn Văn Công	Nhà xuất bản Đại học kinh tế Quốc dân	2009	1
27	001023	Kế toán doanh nghiệp	Giáo trình kế toán tài chính 1, 2, 3	KML18000 96, KML18000 97, KML18000 98	Trần Phước	Thống Kê	2009	5
28	002338	Tài chính doanh nghiệp (*)	Giáo trình Tài chính doanh nghiệp	KMV18002 13	TS Bùi Văn Vần	Nhà xuất bản Tài chính	2013	1
29	001981	Phân tích thẩm định dự án (0*)	Tập bài giảng phân tích hiệu quả dự án đầu tư	KMN18001 62	PGSTS Phạm Thị Thu Hà	NXB Chính trị quốc gia	2013	1
			Giáo trình lập dự án đầu tư	Vv1100945 - Vv1100954	PGSTS Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB Đại học KT Quốc dân	2008	10
30	002141	Quản lý Mar	Quản trị marketing	KMV18001 00	Philip Kotler, được dịch bởi Vũ Trọng Hùng & Phan Thăng từ cuốn Marketing Management	NXB lao động và xã hội,	2013	1
31	002120	Quản lý dự án	Giáo trình quản lý dự án	KMV18001 23	Từ Quang Phương	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2014	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
32	003105	Thương mại điện tử (*)	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	KMV18002 05,Vv16090 81	PGS TS NGUYỄN Văn Hồng, TS Nguyễn Văn Thoan	NXB Bách Khoa	2013	2
33	001415	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	KMN18001 63	Lưu Đan Thọ	Nhà xuất bản tài chính	2016	1
34	002089	Quản lý chất lượng, Quản lý chất lượng dịch vụ	Giáo trình quản trị chất lượng	KMV18002 42,Vv13080 17-36	Nguyễn Đình Phan và Đặng Ngọc Sự,	Nhà xuất bản Kinh tế Quốc dân	2012	21
35	003093	Thuế và hệ thống thuế Việt Nam	Giáo trình Thuế	KMN18001 49	Nguyễn Thị Liên	NXB Tài chính	2014	1
36	001674	Marketing dịch vụ	Marketing dịch vụ	KMN18001 57	Lưu Văn Nghiêm,	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân	2008	1
37	001806	Nghiệp vụ KD ngoại thương	Giáo trình Kỹ thuật nghiệp vụ ngoại thương, Đại học Ngoại thương	KMN18001 67	PGSTS Vũ Hữu Tửu,	NXB Giáo Dục	2014	1
38	002260	Quản trị kinh doanh quốc tế, International business management	Giáo trình kinh doanh quốc tế	KMN18001 69	PGSTS Tạ Lợi,	NXB ĐHKQTĐ	2016	1
39	001797	Nghiên cứu Mar	Giáo trình Nghiên cứu Marketing,	Vn1105717 - Vn1105721	PGS TS Nguyễn Viết Lâm,	Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân	2008	5
40	002268	Quản lý rủi ro	Quản trị rủi ro và khủng hoảng	Vv1107032	Đoàn Thị Hồng Vân	NXB Lao động - Xã hội	2009	1
41	002151	Quản lý mua hàng	Quản trị cung ứng,	KMV18002 30,KMV18 00113	GSTS Đoàn Thị Hồng Vân, TS Nguyễn	NXB Tổng hợp TP HCM	2011	2

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
					Xuân Minh, ThS, Kim Ngọc Đạt,			
42	001051	Kế Toán quản trị và chi phí	Giáo trình Kế toán quản trị	KMV18003 69-70	PGSTS Nguyễn Ngọc Quang	Đại học Kinh tế quốc dân	2014	2
43	000326	Công nghệ phục vụ khách sạn	Giáo trình công nghệ phục vụ trong khách sạn nhà hàng	KMN18001 46	Nguyễn Văn Đính & Hoàng Thị Lan Hương,	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2007	1
44	003217	Tiếng Anh CN KSDL	English for international tourism New Edition, Intermediate Level	KMNN180 0014	Harrison, L,	Pearson Longman	2014	1
45	002252	Quản trị kinh doanh khách sạn	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	KMV18002 08,KMV20 00410	PGS TS Nguyễn Văn Mạnh & TS Hoàng Thị Lan Hương	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2013	2
46	002256	Quản trị kinh doanh lễ hành	Giáo trình quản trị kinh doanh lễ hành	KMV18002 07,KMV20 00416	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương,	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2012	2
47	002258	Quản trị kinh doanh nhà hàng	Giáo trình quản trị kinh doanh khách sạn	KMV18002 08,KMV20 00410	PGS TS Nguyễn Văn Mạnh & TS Hoàng Thị Lan Hương	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2013	2
48	002248	Quản trị KD dịch vụ giải trí và hội nghị	Tổ chức sự kiện	KMN18001 53	Lưu Văn Nghiêm,	Nhà xuất bản Đại học kinh tế quốc dân	2012	1
49	001499	Luật du lịch	Luật du lịch	KMN18001 55	Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam,	Lao động	2017	1
50	002256	Quản trị kinh doanh lễ hành, Hướng dẫn du lịch	Giáo trình quản trị kinh doanh lễ hành	KMV18002 07,KMV20 00416	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương,	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2012	2

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
51	001681	Marketing du lịch	Giáo trình Marketing du lịch,	KMN1800156	PGSTS Nguyễn Văn Mạnh & PGSTS Nguyễn Đình Hòa,	NXB Đại học kinh tế quốc dân	2008	1
52	002360	Tâm lý và nghệ thuật giao tiếp ứng xử trong kinh doanh du lịch	Giáo trình tâm lý và nghệ thuật giao tiếp, ứng xử trong kinh doanh du lịch	KMN1800158	Nguyễn Văn Đỉnh và Nguyễn Văn Mạnh,	NXB ĐH Kinh tế quốc dân	2012	1
53	000997	Hướng dẫn du lịch	Giáo trình quản trị kinh doanh lễ hành	KMV1800207,KMV2000416	Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương,	Nhà xuất bản KTQD	2012	2
54	000032	An toàn vệ sinh thực phẩm	Giáo trình văn hóa ẩm thực, trường Cao đẳng du lịch Hà Nội,	KMN1800160	Hoàng Kim Khang, Lê Anh Tuấn ,	NXB Lao động	2013	1
55	002084	Quản lý ẩm thực	Giáo trình văn hóa ẩm thực, trường Cao đẳng du lịch Hà Nội,	KMN1800160	Hoàng Kim Khang, Lê Anh Tuấn ,	NXB Lao động	2013	1
			Giáo trình Lý thuyết chế biến món ăn, Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội	KMN1800161	Trịnh Cao Khải	NXB Lao động	2013	1
56	002084	Du lịch sinh thái	Tài nguyên du lịch	KMV2000415	Bùi Thị Hải Yến, Phạm Hồng Long	NXB Giáo dục	2007	1
57	000751	Giao tiếp tiếng Anh	Giao tiếp Tiếng Anh chuyên ngành Khách sạn Be My Guest Hiệu đính: Mỹ Hương,	KMNN1800024	Quỳnh Như	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội	2011	1

DANH MỤC SÁCH CHUYÊN KHẢO, TẠP CHÍ CHUYÊN NGÀNH

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
1	003923	Triết học Mác Lênin	Giáo trình Triết học Mác - Lênin,	KMN1800186-7; Vn1106976-7455	Trịnh Thúc Huỳnh	NXB Chính trị quốc gia	2006	482
			Bút ký triết học VI Lê-Nin	Vn1108255-7	VI Lê-Nin	Chính Trị Quốc Gia	2004	3
			Chủ Nghĩa Duy Vật Và Chủ Nghĩa Kinh Nghiệm Phê Phán VI LÊ-NIN	Vn1108246-8	VI Lê-Nin	Chính Trị Quốc Gia	2004	3
2	003925	Kinh tế Chính trị Mác Lênin	Giáo trình Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	Vn1107466-845	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004	380
3	003926	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Giáo trình Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Vn1107846-8245	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004	400
			Chủ nghĩa xã hội khoa học	Vn1106809-38	Không có	Giáo dục	2001	30
			Hướng dẫn ôn tập môn chủ nghĩa xã hội khoa học	Vn1106799-808	Phạm Văn Hùng	Giáo dục	1999	10
3	003505	Tur tưởng Hồ Chí Minh	Hồ Chí Minh toàn tập (15 tập)	Vv1107558 (tập 1); Vv1107559 + Vv1107571 (tập 2); Vv1107560 (tập 3); Vv1107561 (tập 4); Vv1107562 (tập 5);	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004	12
			Hồ Chí Minh toàn tập (15 tập)	Vv1107563 (tập 6); Vv1107564 (tập 7); Vv1107565 (tập 8);	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004	12

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
			Hồ Chí Minh toàn tập (15 tập)	Vv1107566 (tập 9); Vv1107567 (tập 10); Vv1107568 (tập 11); Vv1107569 (tập 12)	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004	12
4	003928	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Vn1105954-6263	Trịnh Thúc Huỳnh	Chính trị Quốc gia	2004 (2006)	310
			Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Vn1106839-68	Không có	Giáo dục	2001	30
			Văn kiện Đảng, Toàn tập	Vv1107544	Không có	Chính trị Quốc gia	2002	1
5	003137	Tiếng Anh 1	English grammar in use	KMCD1800246	Raymond Murphy	New York Cambridge	2012	1
			English Vocabulary in use: Pre- intermediate and intermediate	KMCD1800176	Stuart Redman	New York Cambridge University	1997	1
			Tactics for listening Developing	KMCD1800248	Jack C Richard	Sencond Oxenden-American Oxford University Press	2005	1
6	003144	Tiếng Anh 2	English grammar in use	KMCD1800246	Raymond Murphy	New York Cambridge	2012	1
			English Vocabulary in use: Pre- intermediate and intermediate	KMCD1800176	Stuart Redman	New York Cambridge University	1997	1
			Tactics for listening Developing	KMCD1800248	Jack C Richard	Sencond Oxenden-	2005	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
						American Oxford University Press		
10	003366	Toán cao cấp2	Bài tập Toán Cao Cấp tập 2	Vn1102074-328	Nguyễn Đình Trí	Giáo dục	2001	252
11	003657	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Xác xuất thống kê	Vn1102782-95	Đào Hữu Hồ	Khoa học - Kỹ thuật	2002	14
			Bài tập Xác suất và Thống kê	Vn1102745-51; VN1408676-725	Nguyễn Cao Văn	Đại học Kinh tế Quốc dân	2013	57
12	001893	Nhập môn tin học	Bài tập nhập môn tin học	KML1800166	Nguyễn Thị Thu Hà, Nguyễn Hữu Quỳnh, Nguyễn Thị Thanh Tân, Nguyễn Thị Ngọc Tú	Đại học Điện lực		1
			Tự học nhanh Windows XP	Vn1101033-7	Trí Việt, Hà Thành	Văn hóa thông tin	2008	5
			Tự học nhanh tin học văn phòng	Vn1101024-7	Trí Việt, Hà Thành	Văn hóa thông tin	2008	4
13	002018	Pháp luật đại cương	Hiến Pháp 1992, 2013, Bộ luật Hình sự 2000, 2015, Bộ luật dân sự 2005, 2015, Luật lao động 2013, luật đất đai các Bộ luật Tổ tụng Hình sự, Tổ tụng Dân sự	VN1208291-5 VN1100314-8 Vn1208392-6 VN1105254-8				
14	001216	Kinh tế vi mô	Bài tập kinh tế vi mô	KMN1800145	PGSTSVũ Kim Dũng	NXB Văn hóa thông tin	2007	1
15	001223	Kinh tế vĩ mô	Bài giảng kinh tế vĩ mô	KMV1800365- KMV1800366	Nguyễn văn Ngọc	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2013	2
16	001671	Marketing căn bản, Quản trị Marketing	Quản trị marketing	KMV1800363-4	TS Trương Đình Chiến	NXB Đại học Kinh tế quốc dân	2014	2

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
17	001852	Nguyên lý thống kê kinh tế	Bài tập thống kê	KMV1800236	Trương Thị Thu Hường, Phan Duy Hùng, Cao Phương Thủy		2017	1
18	002176	Quản lý nhân lực (*)	Giáo trình quản lý nhân lực trong doanh nghiệp	VV1100479-83,7034	Nguyễn Tấn Thịnh	NXB khoa học và kỹ thuật	2008	6
19	002208	Quản lý tài chính	Giáo trình cơ sở của Quản lý tài chính	Vv1107635-Vv1107639	Nghiêm Sĩ Thương	NXB Giáo dục	2011	5
			Tài chính doanh nghiệp căn bản	Vv1101222	Nguyễn Minh Kiều	NXB Thống kê	2010	1
			Quản trị tài chính doanh nghiệp	Vv1100519-Vv1100523	Vũ Duy Hào	Giao thông vận tải	2009	5
20	002338	Tài chính doanh nghiệp (*)	Giáo trình tài chính doanh nghiệp	Vv1100710-Vv1100724	PGSTS Nguyễn Đình Kiệm	Nhà xuất bản Tài chính	2008	15
21	001981	Phân tích thẩm định dự án (0*)	Giáo trình lập dự án đầu tư	Vv1100945-Vv1100954	PGSTS Nguyễn Bạch Nguyệt	NXB ĐHKT Quốc dân	2008	10
22	003105	Thương mại điện tử (*)	Giáo trình thương mại điện tử căn bản	KMN1800154	TS Trần văn Hòe	NXB Kinh tế quốc dân	2015	1
23	001415	Lập kế hoạch và khởi sự kinh doanh	Kế hoạch kinh doanh	KMV1800244	Phạm Tuấn Cường, Lê Nguyễn Hậu, Tạ Trí Nhân, Phạm Ngọc Thuý	NXB Đại học Quốc Gia TP Hồ Chí Minh	2015	1
			Khởi nghiệp tinh gọn	KMV1800243	Eric Ries	Nhà xuất bản thời	2015	1
			Cuộc chơi khởi nghiệp	KMN1800164	William H Draper III	Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân	2015	1
			Quốc gia khởi nghiệp	KMN1800166	Dan Senior & Saul Singer	Nhà xuất bản thế giới	2015	1

TT	Mã học phần	Học phần	Sách giáo trình					
			Tên sách	Mã sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm xuất bản	Số bản
24	001806	Nghệ vụ KD ngoại thương	Giáo trình Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương	KMN1800141	PGSTS Nguyễn Văn Tiến,	NXB Thống kê	2009	1
			Giáo trình vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương	KMV1800204	TSTrịnh Thị Thu Hương,	NXB Thông tin và truyền thông	2014	1
			Giáo trình trị giá hải quan	KMN1800168	PGSTS Nguyễn Thị Thương Huyền,	NXB Giáo dục	2015	1
25	002260	Quản trị kinh doanh quốc tế, International business management	Giáo trình cao học quản trị kinh doanh quốc tế	KMV1800228	PGSTS Hà Nam Khánh Giao,	NXB Tổng hợp TPHCM	2012	1
			Marketing quốc tế	KMN1800172	TSNguyễn Đông Phong,	NXB Kinh Tế TPHCM	2014	1
			Giáo trình Pháp luật Kinh doanh quốc tế	KMN1800142	TSNguyễn Minh Hằng,	NXB DHQGHN	2012	1
			Kinh tế học quốc tế- Đại học Ngoại thương	KMN1800143	TS Từ Thúy Anh,	NXB Tài chính	2010	1
26	002134	Quản lý Logistic	Tinh hoa quản trị chuỗi cung ứng	KMN1800179	Michael Hugos	NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh	2015	1

13. Hướng dẫn thực hiện và tổ chức chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Quản trị kinh doanh được xây dựng phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, mục đích, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Trường Đại học Điện lực và theo hướng đổi mới phương pháp giảng dạy gắn liền với thực tiễn, giảm giờ lý thuyết, tăng giờ thảo luận và tự học, lấy người học làm trung tâm. Đồng thời, chương trình đảm bảo sự liên thông ngang, liên thông dọc phù hợp với quy định hiện hành.

Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin Đại học Điện lực để xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, qui định liên quan đến đào tạo qua trang web của trường theo địa chỉ <http://www.epu.edu.vn>.

Phòng Đào tạo Trường Đại học Điện lực tổ chức, triển khai thực hiện chương trình giảng dạy theo quy chế đào tạo hiện hành. Trong quá trình thực hiện, các khoa quản lý chương trình đào tạo đề xuất thay đổi các học phần tự chọn, hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với thực tiễn.

Ít nhất 2 năm một lần, các khoa quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá chương trình đào tạo sao cho phù hợp với những thay đổi trong quy định của nhà nước, của nhà trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần, môn học hoặc nội dung chuyên môn... Việc rà soát, cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo thực hiện theo quy định hiện hành.

HIỆU TRƯỞNG

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ CTĐT

TS. Trương Huy Hoàng

TS. Nguyễn Tố Tâm